

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với tư cách là một nửa xã hội, phụ nữ ở bất cứ nơi đâu, và ở bất kỳ thời đại nào cũng có những đóng góp to lớn đối với sự phát triển của toàn xã hội. Với vai trò là người vợ, người mẹ, giữ thiên chức làm mẹ, sinh con, duy trì nòi giống, người phụ nữ là điểm tựa tinh thần vững chắc, gắn kết các thành viên trong gia đình, cùng chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng là một lực lượng lao động xã hội quan trọng, tạo ra của cải vật chất cho xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

Phụ nữ đi vào thơ văn, nhạc, họa và có những đóng góp thiết thực tạo ra một xã hội tiến bộ, văn minh. Tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay vẫn còn sự chênh lệch khá lớn giữa vai trò và vị thế xã hội của phụ nữ, và người phụ nữ vẫn đang chịu nhiều bất công, bất bình đẳng so với nam giới.

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc António Guterres gần đây nhấn mạnh rằng bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn là một vấn đề nghiêm trọng trên toàn cầu. Ông nhấn mạnh rằng “điểm cốt lõi là vấn đề quyền lực, khi mà mọi cấu trúc quyền lực đều do nam giới thống trị từ các nền kinh tế quốc gia, đến các hệ thống chính trị, trong doanh nghiệp và hơn thế nữa”. Để xã hội phát triển thịnh vượng, chúng ta cần sự tham gia của tất cả các giới ở mọi cấp độ, và để điều đó xảy ra, tất cả các giới đều cần phải hiểu và gắn kết với nhau với sự công nhận và tôn trọng lẫn nhau.

Báo chí đóng vai trò quan trọng trong phát triển con người dựa trên quyền con người. Theo quan điểm quốc tế, quyền phát triển của con người không thể tách rời phát triển bền vững. Tuyên bố Viên và Chương trình hành động tái khẳng định quyền được phát triển, trong Phần I, Điều 11 đã nhấn mạnh rằng: “Quyền được phát triển cần được thực hiện theo hướng đáp ứng một cách cân bằng các nhu cầu về phát triển và về môi trường của cả thế hệ hiện tại và tương lai”. Cũng có thể nói đó là thành quả mang tính tích hợp về nhiều giá trị tinh thần của nền văn minh nhân loại trong thời đại ngày nay. Thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ là mục tiêu phấn đấu của toàn nhân loại, trong đó có Việt Nam.

Kể từ khi tờ “Nữ Giới Chung” - tờ báo phụ nữ đầu tiên với vai trò chủ bút của bà Trương Nguyệt Ánh ra đời, báo chí Việt Nam xuất hiện dòng báo chí phụ nữ, đã đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử phong trào phụ nữ, đưa ra những quan điểm tiến bộ về phụ nữ, về nữ quyền, nam nữ bình đẳng, vai trò của phụ nữ... Cho đến nay, báo chí phụ nữ ở Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, lên án các hành vi xâm phạm đến phụ nữ, trẻ em, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên, phụ nữ.

Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào ở bậc tiến sỹ, tìm hiểu, khảo sát, đánh giá vai trò của hệ thống báo chí phụ nữ đối với vấn đề nữ quyền ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu tìm hiểu thành công, hạn chế của báo chí phụ nữ đối với vấn đề nữ quyền, từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng báo chí phụ nữ đối với vấn đề này. Bởi vậy, tôi đã lựa chọn đề tài “Báo chí phụ nữ với vấn đề nữ quyền” là đề tài luận án Tiến sỹ ngành Báo chí học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là khái quát thực trạng, từ đó đánh giá hiệu quả truyền thông của báo chí phụ nữ với vấn đề nữ quyền thông qua phân tích thông điệp được báo chí truyền tải và khả năng tác động lên nhận thức, thái độ của công chúng của những thông điệp đó. Trên cơ sở đó, luận án sẽ khái quát hóa những vấn đề đặt ra từ góc nhìn báo chí học để làm rõ vai trò, hiệu quả cùng những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả truyền thông của báo chí phụ nữ cũng như đề xuất giải pháp và bài học kinh nghiệm truyền thông về vấn đề nữ quyền.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, đề tài thực hiện những nhiệm vụ sau:

1) Phân tích, tổng hợp, đánh giá kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài trong và ngoài nước trên ba phương diện lý luận, phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu.

2) Hệ thống hóa các khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan tới đề tài về vấn đề nữ quyền trên báo chí nói chung và báo chí phụ nữ nói riêng về vấn đề nữ quyền hiện nay.

3) Phân tích nội dung tin, bài được đăng tải trên báo in và báo điện tử về vấn đề nữ quyền,

4) Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, thảo luận các nguyên nhân, đề ra khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ

3. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án tập trung trả lời 3 câu hỏi nghiên cứu chính như sau:

Câu hỏi 1: Báo chí phụ nữ đã truyền tải những thông điệp gì về vấn đề nữ quyền?

Câu hỏi 2: Thông điệp này được truyền tải trên báo chí phụ nữ về vấn đề nữ quyền như thế nào?

Câu hỏi 3: Những bài học rút ra từ việc đánh giá hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ là gì?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là thực trạng và hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án cụ thể như sau:

- Đối với tài liệu, kết quả nghiên cứu đã công bố trong nước và trên thế giới: NCS nghiên cứu về những nội dung liên quan tới cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài trong đó tập trung vào các nghiên cứu đã được công bố trong nước và trên thế giới về vai trò, vị trí của báo chí phụ nữ trong công tác tuyên truyền về vấn đề nữ quyền hướng tới sự thay đổi nhận thức của công chúng về quyền phụ nữ.

- Đối với các kênh báo chí: NCS khảo sát nội dung về vấn đề nữ quyền trên cả 2 loại hình của báo chí phụ nữ (Báo in, báo điện tử); cụ thể: Phụ nữ Việt Nam, Phụ nữ Thủ đô, Phụ nữ.

NCS thống kê tần suất xuất hiện của tin, bài theo những chủ đề liên quan tới thông điệp về vấn đề nữ quyền. NCS chọn thời gian khảo sát từ

2016 – 20219 đây là giai đoạn những chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, sự nỗ lực của các cấp, các ngành và toàn xã hội, công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ và trao quyền cho nữ giới đã đạt được những kết quả quan trọng.

5. Giả thuyết nghiên cứu

Trong quá trình phân tích lịch sử nghiên cứu và khảo sát thực trạng phản ánh của báo chí để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, luận án đề ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết 1: *Thông điệp về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ tập trung vào chủ trương, chính sách, những điển hình tiên tiến nhiều hơn là khai thác sâu vào các khía cạnh cụ thể liên quan tới quyền của phụ nữ. Về hình thức thể loại thì tin và bài phản ánh là thể loại chính trong cách thức đưa tin về vấn đề của báo chí phụ nữ.*

Giả thuyết 2: *Công chúng nhận thức khá đầy đủ về các nội dung cốt lõi trong các thông điệp về vấn đề nữ quyền được chuyển tải trên báo chí, trong đó các thông điệp về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho nữ giới được đặc biệt quan tâm.*

Giả thuyết 3: *Mặc dù truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ nhìn chung là tích cực, vẫn còn tồn tại một số vấn đề đặt ra trong việc chuyển tải thông điệp về vấn đề nữ quyền. Cần có những giải pháp cụ thể trong truyền thông để giải quyết được những tồn tại này góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền.*

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để làm rõ quan điểm của Đảng, Nhà nước về vai trò, vị trí cũng như nhiệm vụ tuyên truyền của báo chí phụ nữ...

Các lý thuyết sử dụng trong đề tài là: lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự, lý thuyết đóng khung (*Framing Theory*).

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng 02 phương pháp nghiên cứu chính trong khoa học xã hội, bao gồm phương pháp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính. Cụ thể:

6.2.1. Phương pháp nghiên cứu định lượng

- Tìm hiểu và đánh giá số lượng, chất lượng, đặc điểm, tính chất thông tin của các thông điệp chính về vấn đề nữ quyền được chuyển tải trên 2 loại hình báo in và báo điện tử của báo chí phụ nữ, luận án sử dụng phương pháp phân tích nội dung trong nghiên cứu khoa học xã hội. Theo đó, NCS sẽ tổng hợp các tin, bài, 2 loại hình báo chí phụ nữ về nữ quyền và phân loại, mã hóa chúng theo các tiêu chí nội dung thông điệp và hình thức thể hiện các thông điệp này để phân tích và khái quát.

6.2.2. Phương pháp nghiên cứu định tính

- Để đi sâu lý giải và đánh giá hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ, luận án tiến hành phỏng vấn sâu một số đại diện người công chúng nữ, nhà quản lý, nhà báo, chuyên gia truyền thông, trên cơ sở đó có cái nhìn sâu hơn để thảo luận, đánh giá và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông về vấn đề nữ quyền.

Bên cạnh đó, luận án còn sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu: nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn đã được công bố trong các nghiên cứu, các văn bản trước đây liên quan tới mục đích nghiên cứu của đề tài, gồm nhiệm vụ, vai trò và chức năng của báo chí; lý thuyết khung, lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

7.1. Ý nghĩa lý luận

Là một trong những công trình đầu tiên trong lĩnh vực báo chí học nghiên cứu truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ Việt Nam, luận án là một tài liệu tham khảo có hệ thống cho những nhà nghiên cứu, giảng dạy và thực hành báo chí, truyền thông, chuyên gia về giới.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Thông qua việc soi chiếu lý thuyết vào nghiên cứu báo chí phụ nữ với vấn đề nữ quyền, luận án góp phần đánh giá cụ thể hơn hiệu quả thông tin truyền thông về vấn đề này làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan báo chí phụ nữ trong truyền thông về nữ giới.

8. Điểm mới của luận án

Đề tài hệ thống hóa cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về vai trò, vị trí của báo chí phụ nữ với vấn đề nữ quyền.

Đề tài góp phần làm sáng rõ và phong phú hơn lý luận về vai trò của truyền thông của báo chí phụ nữ với vấn đề nữ quyền;

Đề tài nghiên cứu, chỉ ra những thành công, hạn chế, nguyên nhân thành công và hạn chế của báo chí phụ nữ trong công tác truyền thông về vấn đề nữ quyền và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống này.

Những kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động báo chí phụ nữ trong công tác truyền thông về vấn đề nữ quyền, mà còn có thể gợi mở giải pháp cho các cơ quan báo chí nói chung và cơ quan báo chí phụ nữ nói riêng.

9. Bố cục của luận án:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục hình vẽ, bảng biểu, danh mục chữ viết tắt, mục lục, phụ lục thì nội dung luận án gồm 4 chương:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ BÁO CHÍ PHỤ NỮ VỚI VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BÁO CHÍ, BÁO CHÍ PHỤ NỮ VÀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN

CHƯƠNG 3. THÔNG ĐIỆP VỀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN TRÊN BÁO CHÍ PHỤ NỮ

CHƯƠNG 4: KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN TRÊN BÁO CHÍ PHỤ NỮ

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ BÁO CHÍ PHỤ NỮ VỚI VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN

Trong chương này, luận án sẽ phân tích, tổng hợp các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về nữ quyền, thông tin về vấn đề nữ quyền trên báo chí nói chung và báo chí phụ nữ nói riêng.

1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về nữ quyền

Cùng với sự phát triển của xã hội, chủ nghĩa nữ quyền cũng có lịch sử hình thành và phát triển qua các thời kỳ, gắn liền với đời sống chính trị,

kinh tế, văn hóa, xã hội của phụ nữ. Những công trình khoa học nghiên cứu về nữ quyền khá nhiều dưới nhiều góc độ khác nhau: xã hội học, triết học, văn học...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về báo chí với vấn đề nữ quyền

Các công trình nghiên cứu ở Pháp, Bỉ, Đức, Châu Âu đã tiến hành một nghiên cứu có tên Mass Media: The Image, Role and Social Conditions of Women (Truyền thông đại chúng: Hình ảnh, Vai trò và Điều kiện xã hội của Nữ giới). Qua đó, các tác giả không chỉ đưa ra những phân tích tổng quát nhất về hình ảnh nữ giới trên sóng phát thanh, truyền hình, phim ảnh... mà còn nhấn mạnh vào vai trò của nữ giới trong ngành công nghiệp truyền thông. Các nghiên cứu này hầu hết tập trung tiếp cận theo góc độ nữ quyền hay thống soát xã hội.

1.2. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về quyền con người và nữ quyền

Thời kỳ đầu, nghiên cứu khoa học về phụ nữ tập trung nghiên cứu đời sống người phụ nữ nông dân, công nhân, trí thức với các khía cạnh hôn nhân, gia đình, lao động, việc làm, thu nhập, sinh sản và nuôi con nhỏ...

Ở Việt Nam, từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX đến nay, cùng với sự thay đổi mạnh mẽ của gia đình và xã hội, chúng ta đã chứng kiến sự thay đổi về chất của vấn đề giới và phụ nữ. Ngày nay, người ta gần như không còn dùng từ “phái yếu” để chỉ phụ nữ nữa. Thay vào đó là những từ “phái đẹp” hoặc thậm chí là những người “đàn bà thép”.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về báo chí với vấn đề nữ quyền

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ký Công ước Liên hợp quốc về Xóa bỏ tất cả các Hình thức phân biệt đối xử chống lại Phụ nữ (CEDAW) vào năm 1980 và phê chuẩn Công ước này vào năm 1982. Từ đó Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong cải cách khung pháp lý và chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng và xóa bỏ phân biệt đối xử giữa phụ nữ và nam giới. Trong đó Luật Bình đẳng giới ban hành năm 2006 được coi là đạo luật quan trọng. Tiếp đó Luật phòng chống bạo lực gia đình thông qua năm 2007 lần đầu tiên quy định bạo lực của người chồng đối với phụ nữ là hành vi phạm tội có thể bị trừng phạt. Ngoài việc ban hành

các luật cụ thể liên quan đến quyền của phụ nữ thì bình đẳng giới cũng được thúc đẩy ở các luật khác.

1.2.3. Các công trình nghiên cứu tạp chí chuyên biệt trên mang tính khái

Có thể nói rằng, vấn đề nữ quyền, quyền bình đẳng nam nữ đã được quan tâm, nghiên cứu nhiều ở trên thế giới và cả ở trong nước. Tuy nhiên, chưa có nhiều các công trình nghiên cứu về vai trò của hoạt động truyền thông về nữ quyền nhằm chỉ ra một số hạn chế nhất định còn tồn tại trong hoạt động này và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động truyền thông.

1.2.4. Đánh giá tổng quan nghiên cứu và những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Nhiều công trình nghiên cứu khẳng định những điều kiện để thực hiện quyền phụ nữ trong xã hội như cần cải cách xã hội và luật pháp qua các chính sách được xây dựng để tạo nên những cơ hội bình đẳng cho phụ nữ và thực hiện có hiệu quả các vấn đề xã hội hóa và giáo dục của xã hội, của cộng đồng sẽ dẫn đến tự do hơn và các quan hệ giới bình đẳng hơn. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn sẽ giúp họ tiếp cận với công bằng xã hội và bình đẳng giới tốt hơn.

Những kết quả nghiên cứu từ những công trình này mang đến những nhận thức mới về nữ quyền, phục vụ thiết thực cho việc định hình khung lý thuyết cho đề tài.

Tiểu kết Chương 1

Trong những năm gần đây, cùng với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết mang tầm quốc tế về giới, quyền phụ nữ bắt đầu được quan tâm nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, quyền phụ nữ được tiếp cận từ nhiều cách khác nhau và do đó, cũng có nhiều cách quan niệm khác nhau, tùy theo mục tiêu nghiên cứu..

Đồng thời, các nghiên cứu về báo chí, về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí cũng đã khẳng định tầm quan trọng của báo chí đối với các lĩnh vực chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, chưa có nhiều công

trình nhấn mạnh về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí trong việc truyền thông vấn đề nữ quyền.

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BÁO CHÍ, BÁO CHÍ PHỤ NỮ VÀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN

2.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài

2.1.1. Báo chí

Khái niệm báo chí ở đây được coi là sản phẩm hoạt động báo chí để chỉ sự tiếp nhận của công chúng và được xem là một hệ thống xã hội, một thiết chế, một hoạt động chính trị - xã hội, để xem xét mối quan hệ của báo chí với các thiết chế khác trong đời sống xã hội cũng như mối quan hệ tương tác hai chiều với công chúng. Căn cứ vào vai trò, chức năng của báo chí được quy định trong Luật Báo chí sửa đổi bổ sung năm 2016, các loại hình báo chí tại Việt Nam được đề cập đến trong khái niệm này bao gồm 4 loại hình: Báo in, phát thanh, truyền hình và báo điện tử.

2.1.2. Báo chí phụ nữ:

Năm 1914, giới báo chí Việt Nam thời bấy giờ đã đề xuất việc ra một tờ báo dành riêng cho phụ nữ. Mặc dù được nhiều người ủng hộ, nhưng phải đến năm 1918, tờ báo dành riêng cho phụ nữ đầu tiên mới ra đời. Đó là báo Nữ giới chung xuất bản số đầu tiên ngày 1/2/1918 tại Sài Gòn do bà Sương Nguyệt Anh làm chủ bút. Từ đây các vấn đề về phụ nữ, về nữ quyền bắt đầu được thể hiện nhiều hơn trên báo chí.

Đến những năm 1930 vấn đề nữ quyền, giải phóng phụ nữ, phụ nữ tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như thế nào trở thành vấn đề lưu tâm của xã hội. Hàng loạt tờ báo phụ nữ được xuất bản ở khắp 3 kỳ như Phụ nữ Thời đàm (1930-1934) ở Hà Nội, Phụ nữ Tân tiến (1932-1934) ở Huế, Phụ nữ tân văn (1929-1935) ở Sài Gòn.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, báo chí hoạt động trong điều kiện mới. Đây cũng là thời điểm đánh dấu sự đi lên không ngừng của báo chí cách mạng, đưa dòng báo chí phụ nữ này bước sang một giai đoạn mới. Ngày 8/3/1948, trong thời điểm ác liệt của cuộc kháng chiến chống Pháp, được sự quan tâm của Đảng và Bác Hồ, một tờ báo dành riêng cho nữ giới đã được ra đời tại căn cứ địa Việt Bắc – Báo Phụ nữ

Việt Nam. Tiếp theo đó, cùng với sự thay đổi phát triển của đất nước, báo chí phụ nữ đã có những bước phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng về số lượng, đa dạng, phong phú về loại hình, sinh động về nội dung: Báo Phụ nữ Việt Nam, báo Phụ nữ Thủ đô, phunuvietnam.vn, phunuonline.com.vn, ... Báo chí phụ nữ đã trở thành một công cụ, một vũ khí sắc bén của Đảng và Nhà nước trên mặt trận văn hóa - tư tưởng. Những thành tựu mà đất nước đạt được trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ có sự đóng góp to lớn của hệ thống báo chí.

2.1.3. Nữ quyền

Chủ nghĩa nữ quyền (Feminism) là một tập hợp của các phong trào và ý thức hệ nhằm mục đích xác định, xây dựng và bảo vệ quyền lợi chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội bình đẳng cho phụ nữ” (Từ điển Merriam – Webster và từ điển Cambridge). Điều này bao gồm cách thiết lập cơ hội bình đẳng cho phụ nữ trong giáo dục và việc làm. Các vấn đề thường liên quan với khái niệm quyền của phụ nữ bao gồm, nhưng không giới hạn: cơ thể toàn vẹn và tự chủ; quyền được giáo dục và làm việc; được trả lương như nhau; quyền sở hữu tài sản; tham gia vào các hợp đồng hợp pháp, tổ chức các cơ quan công quyền; quyền bầu cử; quyền tự do kết hôn, bình đẳng trong gia đình và tự do tôn giáo.

2.1.4. Bình đẳng giới:

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó và không bị phân biệt đối xử về giới.

2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Marx Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề nữ quyền

2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Marx Lenin

Tuy không viết một tác phẩm nào bàn riêng về vấn đề áp bức và giải phóng phụ nữ, song những quan điểm mang tính phương pháp luận, lý luận quan trọng của K. Marx (1818 - 1883) về vị thế phụ nữ, lao động và việc làm, áp bức phụ nữ, giải pháp giải phóng phụ nữ... đã được thể hiện trong nhiều tác phẩm lớn của ông và một số tác phẩm viết chung với F.

Engels, và được đánh giá là có tầm ảnh hưởng lớn đến cách tiếp cận lý thuyết, tư tưởng về bình đẳng giới. Hệ thống quan điểm của Marx, Engels và Lenin về phụ nữ, giải phóng phụ nữ, và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ được xây dựng trên cơ sở của triết học Marxist. Đây là phương pháp tiếp cận khoa học, đồng thời, là cơ sở lý luận để phát triển khoa học về giới, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới, thực hiện nữ quyền, trong xã hội hiện nay.

2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nữ quyền, giải phóng phụ nữ và bình đẳng giới

Thẩm nhuần truyền thống văn hoá dân tộc đồng thời tiếp thu sâu sắc Chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh rất hiểu và đặc biệt quan tâm đến vai trò, vị thế của người phụ nữ trong phong trào cách mạng. Tư tưởng cốt lõi về bình đẳng giới của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở hai luận điểm nổi bật: Thứ nhất, phụ nữ là một nửa xã hội, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải giải phóng phụ nữ. Thứ hai, giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình quyền là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và bản thân chị em phụ nữ.

2.2.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống pháp luật và thực trạng vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay

Ngay từ khi thành lập, Cương lĩnh chính trị của Đảng năm 1930, đã chỉ rõ “Nam nữ bình quyền” là một trong 10 nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng giải phóng phụ nữ ở Việt Nam được thể hiện rõ qua hệ thống pháp luật, chính sách từ khi bắt đầu độc lập 1946 đến nay. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 quy định: “Tất cả quyền bình đẳng trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”; “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Hiến pháp năm 2013 đã quy định “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới... và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” (Khoản 1 và Khoản 3 Điều 26).

2.2.4. Quá trình hình thành, phát triển quyền của phụ nữ và các quy định pháp luật về quyền của phụ nữ ở Việt Nam

Có thể chia sự hình thành và phát triển quyền của phụ nữ và pháp luật về quyền của phụ nữ Việt Nam thành 2 giai đoạn như sau: giai đoạn

trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và giai đoạn sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 Việt Nam là một nước phong kiến thuộc địa do đó khi nghiên cứu quyền của phụ nữ trong pháp luật phong kiến Việt Nam chúng ta thừa nhận về mặt lý luận rằng người phụ nữ trong chế độ phong kiến không thể được giải phóng thực sự trên cơ sở của nguyên tắc nam nữ bình đẳng.

Giai đoạn sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến thực dân với những quan niệm trọng nam khinh nữ; phân biệt đối xử với phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945. Tiếp đó là các Hiến pháp 1946, 1959, 1992 lần lượt đều khẳng định, ghi nhận các quyền của phụ nữ. Các Bộ Luật Dân sự, Hình sự, Hôn Nhân Gia đình, Luật Lao động... cũng đều cụ thể hóa các quyền lợi chính đáng của phụ nữ.

2.3. Vai trò của báo chí với vấn đề nữ quyền và đặc trưng của báo in và báo điện tử đối với vấn đề này

2.3.1. Vai trò của báo chí với vấn đề nữ quyền

Có thể thấy, các phương tiện truyền thông đại chúng với tư cách là một thiết chế xã hội giữ vai trò quan trọng đời sống xã hội: cung cấp thông tin, giải trí và góp phần định hình các giá trị xã hội ... Sức mạnh của báo chí ngày càng tăng từ khi có Internet và nhất là từ khi có mạng xã hội.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, các cơ quan Nhà nước, của các đoàn thể và là diễn đàn của nhân dân. Báo chí nước ta luôn tích cực truyền thông về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, báo chí có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy quyền của phụ nữ và bình đẳng giới.

2.3.2. Đặc trưng, thế mạnh và hạn chế của báo in và báo điện tử đối với vấn đề nữ quyền:

Báo in

Báo in là một loại hình báo chí sử dụng ngôn ngữ chữ viết, hình ảnh chụp, hình ảnh đồ họa để chuyên tải các sự kiện, vấn đề xảy ra trong đời sống xã hội mang tính thời sự, chân thực, khách quan thông qua kỹ thuật in ấn và được xuất bản định kỳ, phát hành phổ biến trong đời sống xã hội. Báo in trở thành nguồn tư liệu quý giá đối với người đọc. Nguồn tư liệu đó có thể được lưu trữ lâu dài (nguyên bản hoặc lưu giữ riêng những tin tức bài vở được quan tâm, dẫn liệu minh chứng các số liệu kinh tế thống kê...)

Báo điện tử

Báo điện tử là một loại hình thông tin đại chúng dựa trên việc khai thác thế mạnh của Internet nhằm đem đến cho công chúng những thông tin mới nhất về mọi mặt của đời sống một cách nhanh nhất và toàn diện nhất... và nó cho phép mọi người trên thế giới tiếp cận và đọc không bị phụ thuộc vào không gian và thời gian

2.4.1. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự

Việc đầu tiên cần làm để tìm hiểu đầu là nội dung về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ" đã và đang được báo chí thiết lập trong chương trình nghị sự sẽ thông qua phương pháp phân tích nội dung để tìm hiểu những chủ đề về nữ quyền đã được báo chí khai thác với tỷ lệ ra sao, tiếp đến là so sánh với nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng để đánh giá cách thức thiết lập chương trình nghị sự của báo chí đã phù hợp hay chưa.

2.3.3. Lý thuyết đóng khung

Lý thuyết đóng khung sẽ được vận dụng trong đề tài này để đánh giá thực trạng trong hoạt động truyền thông của báo chí về vấn đề nữ quyền, trong đó tập trung phân tích những yếu tố tác động lên quá trình đóng khung thông tin của báo chí theo những tiêu chí mà các công trình đi trước ở phần tổng quan nghiên cứu đã đề cập gồm: chủ đề, hình thức, nguồn tin và tính chất của tin tức.

2.4. Sự phát triển và đặc điểm của báo chí phụ nữ

Báo [Nữ giới chung](#) (tiếng chuông của nữ giới) xuất bản vào thứ Sáu hàng tuần tại Sài Gòn bắt đầu năm [1918](#) là tờ báo đầu tiên chuyên về phụ nữ.

Năm 1948 tờ báo Phụ nữ Việt Nam ra đời. Sau Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ nhất (năm 1950), TƯ Hội LHPN Việt Nam đã định hướng nội dung và tổ chức tờ báo để tuyên truyền và lãnh đạo phong trào phụ nữ, đồng thời giáo dục hội viên, định hướng các cấp Hội coi tờ báo là cơ quan ngôn luận của mình.

Báo Phụ Nữ là cơ quan ngôn luận trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh, ra đời vào ngày sinh nhật Bác Hồ: 19/5/1975. Báo Phụ Nữ là diễn đàn đưa phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các mặt của đời sống xã hội và chung tay chia sẻ những cảnh ngộ khó khăn trong đời thường. Trang hôn nhân gia đình trên Báo Phụ Nữ trở thành “món ăn đặc sản” của báo thu hút nhiều tầng lớp độc giả, nhất là độc giả nữ.

Báo Phụ nữ Thủ đô: ra số đầu tiên vào ngày 19/8/1986. Báo Phụ nữ Thủ đô hiện có 3 ấn phẩm báo in: Tuần báo Phụ nữ Thủ đô, Tuần san Đời sống Gia đình, Chuyên đề “Đang yêu”, và trang thông tin điện tử tại địa chỉ [baophunuthudo.vn](#) nhằm tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đến nhân dân, đến mọi tầng lớp phụ nữ; tuyên truyền hoạt động của các cấp Hội Phụ nữ, phong trào thi đua của Phụ nữ Thủ đô và cả nước; cung cấp tri thức mọi mặt cho phụ nữ, hỗ trợ xây dựng gia đình văn minh hạnh phúc; biểu dương các tổ chức, cá nhân điển hình trên mọi lĩnh vực, góp phần thúc đẩy xây dựng, phát triển Thủ đô và đất nước.

Tiểu kết Chương 2:

Trên cơ sở lý thuyết chung về xã hội học truyền thông đại chúng, báo chí học, các ngành học liên quan, chương 2 của luận án đã khái quát những vấn đề cơ bản của nghiên cứu về nữ quyền, quan điểm của Đảng, Nhà nước về vai trò của phụ nữ và các chính sách về bình đẳng giới ở Việt Nam. Trong chương này, luận án cũng hệ thống hóa báo chí nữ giới, và vai trò của báo chí nữ giới đối với vấn đề nữ quyền.

CHƯƠNG 3: THÔNG ĐIỆP VỀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN TRÊN BÁO CHÍ PHỤ NỮ

3.1. Khảo sát tần suất, mật độ thông tin trên báo Phụ nữ Việt Nam, Phụ nữ Thủ đô và Phụ nữ

3.1.1. Tần suất, mật độ thông tin chính được đề cập trên báo PNVN, PNTĐ, PNO

Qua bảng số liệu trên cho thấy tần suất tin bài về Tuyên truyền về quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền phụ nữ và giải phóng phụ nữ ở trên 3 báo khảo sát đều chiếm tỉ lệ lớn :

Tiếp đó là tần suất tin bài về thành tựu của VN đạt được trong bảo vệ quyền phụ nữ, Thực trạng bất cập về nữ quyền ở VN hiện nay; nguyên nhân hiện trạng bất cập về nữ quyền ở VN hiện nay; Giải pháp đối với vấn đề quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Số liệu cho thấy, mức độ quan tâm của các báo phụ nữ đối với các chủ đề nội dung. Theo lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự, tần suất thông tin cho thấy thứ tự ưu tiên trong mục đích hướng tới của 3 cơ quan báo chí khác nhau.

3.1.2. Tần suất tin bài viết về thành tựu của Việt Nam đạt được trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ

Qua thống kê khảo sát cho thấy tần suất thông tin về thành tựu của Việt Nam đạt được trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ được thể hiện trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội: Chính trị- kinh tế - văn hóa – khoa học giáo dục – Hôn nhân và gia đình. Và qua khảo sát cho thấy số liệu cho thấy tần suất tin bài viết về thành tựu trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, gia đình chiếm tỉ lệ khá cao ở cả 3 báo PNVN, PNTĐ và PNO. Tuy nhiên tần suất về khoa học, giáo dục vẫn chiếm tỉ lệ thấp nhất trong số các thành tựu trong các lĩnh vực điển hình.

3.1.3. Tần suất tin bài viết về thực trạng bất cập về nữ quyền ở Việt Nam hiện nay

Thống kê khảo sát cho thấy tần suất thông tin về thực trạng bất cập về nữ quyền ở Việt Nam hiện nay trên 3 báo: PNVN, PNTĐ, PNO năm 2016 – 2019 được thể hiện trong các lĩnh vực: Chính trị- kinh tế - văn hóa – khoa học giáo dục – Hôn nhân và gia đình. Qua bảng thống kê cho thấy vấn đề bất cập trong các lĩnh vực đều có số lượng và tần suất tin bài

tương đương nhau. Điều đó chứng tỏ những bất cập về nữ quyền là phổ biến trong tất cả các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội.

3.1.4. Tần suất tin bài về nguyên nhân hiện trạng bất cập về nữ quyền ở Việt Nam hiện nay

Thống kê khảo sát cho thấy tần suất thông tin về nguyên nhân hiện trạng bất cập về nữ quyền ở Việt Nam hiện nay trên 3 báo PNVN, PNTĐ, PNO năm 2016 – 2019: Ảnh hưởng quan niệm truyền thống; Thông tin về quan điểm của Đảng, Nhà nước chưa được triển khai đồng bộ; Điều kiện tiếp nhận thông tin còn hạn chế; Sự phối hợp giữa các Bộ, Ban Ngành trong việc triển khai thực hiện quyền phụ nữ; Vai trò thông tin truyền thông của các PTTTĐC còn hạn chế. Thống kê cho thấy tần suất tin bài về nguyên nhân hiện trạng bất cập về nữ quyền trên cả 3 báo đều cho thấy chiếm tỉ lệ cao nhất vẫn là ảnh hưởng của tư tưởng, quan niệm truyền thống.

3.1.5 Tần suất tin bài về giải pháp đối với vấn đề nữ quyền ở Việt Nam hiện nay

Thống kê khảo sát cho thấy tần suất tin bài về giải pháp với vấn đề nữ quyền ở Việt Nam hiện nay trên 3 báo: PNVN, PNTĐ, PNO năm 2016 – 2019 được thể hiện: Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương, chính sách quan điểm của Đảng, Nhà nước về nữ quyền; Từng bước xóa bỏ định kiến giới; Tăng cường hoàn thiện khung pháp lý; Đảm bảo sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành trong việc triển khai thực hiện các quyền phụ nữ; Nâng cao hiệu quả trong công tác truyền thông về vấn đề nữ quyền.

3.2. Nội dung chính của thông điệp truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ

3.2.1. Tuyên truyền về quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền phụ nữ và giải phóng phụ nữ

Khảo sát của tác giả cho thấy, tần suất thông tin về các chủ trương, chính sách, qua điểm của Đảng, Nhà nước về quyền phụ nữ và giải phóng phụ nữ được thông tin nhiều, chiếm tỉ lệ ưu tiên cao trên cả 3 báo phụ nữ khảo sát. Số tin, bài tuyên truyền qua điểm của Đảng, Nhà nước về quyền phụ nữ và giải phóng phụ nữ trên báo Phụ nữ Thủ đô chiếm tỉ lệ cao nhất tuy nhiên khoảng cách chênh lệch giữ 3 báo là không nhiều.

3.2.2. Thông tin về quyền phụ nữ bình đẳng với nam giới trong tham gia bầu cử ứng cử và tham gia trong bộ máy nhà nước

Quyền bình đẳng với nam giới trong tham gia bầu cử ứng cử và tham gia trong bộ máy nhà nước là một trong những quyền cơ bản, nội dung thông tin quan trọng được ưu tiên hàng đầu của báo chí phụ nữ. Công ước CEDAW đã ghi nhận nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt phải bảo đảm cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được thụ hưởng các quyền.

3.2.3. Quyền bình đẳng với nam giới khi có cơ hội đại diện cho chính phủ của mình trên diễn đàn quốc tế và tham gia vào công việc của các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình với nam giới và không có sự phân biệt nào.

Việt Nam chính thức tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc vào năm 2014. Tháng 1/2018, Việt Nam cử nữ sĩ quan đầu tiên tham gia gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc làm sĩ quan tham mưu tác chiến ở Phái bộ tại Nam Sudan. Tháng 10/2018, Việt Nam triển khai thành công Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 1 đến phái bộ UNMISS tại Bentiu, Nam Sudan. Trong đó có 10 nữ quân nhân trên tổng số 63 cán bộ, nhân viên y, bác sĩ, chiếm gần 16% - tỷ lệ nữ cao hơn mức kêu gọi của Liên hợp quốc.

3.2.4. Quyền bình đẳng với nam giới trong giáo dục

Xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục và đặc biệt trên cơ sở bình đẳng nam nữ. Xóa bỏ mọi quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và nữ giới ở mọi cấp học và mọi hình thức giáo dục. Các cơ hội và điều kiện học tập như nhau là những nội dung thông tin về nữ quyền được thể hiện trên báo chí phụ nữ Việt Nam.

3.2.5. Quyền hưởng các cơ hội làm việc, những phúc lợi xã hội và quyền được thù lao đối với nam giới trên cơ sở thành quả làm việc.

Báo chí phụ nữ Việt Nam đã thông tin đầy đủ, chi tiết về quyền làm việc, quyền hưởng các cơ hội việc làm, lựa chọn ngành nghề, quyền được thăng tiến, bảo hộ lao động, hưởng các phúc lợi của phụ nữ. Đặc biệt là quyền được hưởng bảo hiểm xã hội, được bảo vệ sức khỏe và bảo đảm an toàn lao động, kể cả bảo vệ chức năng sinh sản.

3.2.6. Quyền được bảo vệ trước mọi hình thức buôn bán, phụ nữ và bóc lột mại dâm

Đây cũng là một trong những nội dung thông tin quan trọng về quyền phụ nữ được báo chí phụ nữ quan tâm và thông tin tới công chúng. Tội phạm buôn bán người hoạt động ngày càng phức tạp, vượt tầm kiểm soát của nhiều chính phủ, gây ra những hậu quả đau lòng.

3.3.7. Quyền bình đẳng với nam giới trong hôn nhân và gia đình

Nội dung thông tin này được báo chí phụ nữ thể hiện đó là: mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới từ việc kết hôn, tự do lựa chọn bạn đời và chỉ kết hôn khi cả hai hoàn toàn tự do, tự nguyện; có quyền và trách nhiệm như nhau trong thời gian hôn nhân cũng như khi tan vỡ; có quyền và trách nhiệm với vai trò làm cha mẹ như nhau trong mọi vấn đề liên quan đến con cái bất kể tình trạng hôn nhân như thế nào thì lợi ích của con cái phải được đặt lên trên hết; quyền tự do và trách nhiệm như nhau khi quyết định số con, khoảng cách các lần sinh và tiếp cận thông tin, giáo dục để thực hiện quyền này.

3.2.8. Quyền bình đẳng với nam giới trong hoạt động giải trí, thể thao và các mặt của đời sống văn hóa

Quyền bình đẳng với nam giới trong các hoạt động giải trí, thể thao và các mặt của đời sống văn hóa là nội dung thông tin được đề cập đến trên báo chí phụ nữ. Với những câu chuyện, những tấm gương phụ nữ tiên phong trong điện ảnh, trong thể thao, trong âm nhạc, trong truyền hình...

3.3. Hình thức chuyển tải thông điệp truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ:

3.3.1. Về Thể loại:

Mỗi tác phẩm báo chí, mỗi bài báo là một sản phẩm sáng tạo riêng biệt, là đứa con tinh thần của mỗi tác giả do đó mà không thể áp dụng khuôn mẫu để sản xuất hàng loạt. Vì vậy mà việc phân chia thành các thể loại khác nhau là một trong những cách thức đáp ứng nhu cầu thông tin của bạn đọc một cách tốt nhất. Tuy nhiên sự phân chia thể loại trên mặt báo chí là tương đối, trong mỗi tác phẩm báo chí ranh giới giữa các thể loại có thể rất mờ nhạt.

Trong quá trình khảo sát, tác giả nhận thấy đề thông tin về vấn đề nữ quyền 3 báo đều tập trung vào các thể loại chủ yếu sau: Tin, Bài phản ánh, bài phóng sự, bài phỏng vấn nhân vật và một số thể loại khác: Ký, chân dung, ghi chép, điều tra...

3.3.2. Chuyên trang, chuyên mục

Mỗi chuyên mục đảm nhiệm một đề tài, nội dung nhất định, thể hiện các góc nhìn của sự kiện, hiện tượng trong xã hội. 3 báo Phụ Nữ Việt Nam, PNTĐ, PNO đều có những chuyên trang, chuyên mục về các vấn đề nữ quyền. Trong đó, đặc biệt dành rất nhiều bài viết về vấn đề quyền lao động, quyền phụ nữ trong gia đình

3.3.3. Các yếu tố đa phương tiện

Thông tin về vấn đề nữ quyền trên 3 báo phụ nữ còn được thể hiện thông qua hình thức đa phương tiện. Tính đa phương tiện trên báo điện tử của các báo phunuvietnam.vn, phunuthudo.com.vn,phunuonline.com.vn được thể hiện ở sự tích hợp nhiều phương tiện truyền thông tin như văn bản, hình ảnh động, hình ảnh tĩnh, đồ họa, âm thanh, video và các chương trình tương tác.

3.3.4. Tính tương tác

Qua khảo sát trên 3 báo điện tử Phunuvietnam.vn, Phunuthudo.com.vn, phunuonline.com.vn sự tương tác của độc giả đối với thông tin đăng tải trên 3 báo cho thấy: có sự tương tác khá ít, báo PNO có nhiều sự tương tác nhiều hơn so với 2 báo PNVN, PNTĐ. PNO biết khai thác đề tài hấp dẫn được đông đảo công chúng hơn, ngôn ngữ đơn giản gần gũi đó cũng chính là lý do tương tác trên mạnh hơn.

Lượng truy cập và mức độ tương tác của khán giả cũng là điều kiện để phát triển và mở rộng uy tín của tòa báo tới mọi đối tượng, cũng khiến cho thu nhập từ quảng cáo ngày càng phát triển.

Tiểu kết:

Chương 3 đã thống kê và đánh giá chi tiết các nội dung thông điệp về vấn đề nữ quyền trên 3 báo PNVN, PNTĐ, PNO trong khoảng thời gian từ năm 2016 - 2019. Cùng với đó tác giả cũng đã có những phân tích đánh giá về hình thức thể hiện, chuyển tải thông điệp về vấn đề nữ quyền trên 3 báo phụ nữ. Tuy có nhiều dạng số liệu và cách xử lý khác nhau,

nhưng nhìn chung, kết quả khảo sát đã đưa đến một vài đánh giá đặc biệt đối với nội dung thông điệp và hình thức phản ánh của 3 báo khảo sát.

CHƯƠNG 4: KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN TRÊN BÁO CHÍ PHỤ NỮ

4.1. Vấn đề đặt ra với việc truyền thông về nữ quyền trên báo chí phụ nữ Việt Nam hiện nay

4.1.1. Đánh giá chung về việc truyền thông về nữ quyền trên báo chí Phụ nữ Việt Nam hiện nay:

Trong số 3 báo phụ nữ: PNVN, PNTĐ, PNO tham gia truyền thông về nữ quyền có thể thấy rằng mỗi báo đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, đôi khi ưu điểm của báo này lại là hạn chế của báo kia. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự khác biệt ấy là mỗi trang báo đều có một định hướng phát triển riêng. Với báo PNVN báo đi theo hướng chính luận, sắc sảo vì thế nội dung có phần nghiêm chỉnh, hơi cứng nhắc. Và báo PNTĐ thì theo hướng thông tin tuyên truyền là chính. PNO thì thông tin đa dạng, nhiều chiều, có tính phản biện cao thu hút sự quan tâm tương tác của độc giả.

4.1.2. Khó khăn, thách thức trong truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ Việt Nam hiện nay:

Cả 3 tờ báo đều là cơ quan báo chí phụ nữ lớn và có cả 2 loại hình báo chí là báo in và báo điện tử với số lượng công chúng nữ rất lớn. Vì thế, việc thể hiện yếu tố nhạy cảm giới trong nội dung bài viết sẽ có tác động tới tư duy và quan điểm của một số lượng lớn độc giả đặc biệt là nữ cũng là góp phần trong công cuộc tạo dựng bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và thay đổi khuôn mẫu giới truyền thông trong xã hội Việt Nam.

4.3. Kiến nghị và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao, đổi mới truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ

4.3.1. Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ

Truyền thông là lực lượng quan trọng góp phần tác động để thay đổi những nhận thức sai lầm của công chúng về phụ nữ và đàn ông hay giới tính khác. Để đẩy mạnh truyền thông xóa bỏ các định kiến giới, nâng cao nhận thức của công chúng về nữ quyền cần nỗ lực hơn ở nhiều phương diện, trong đó đặc biệt là khả năng nhạy cảm để tránh sa vào lối tuyên truyền cứng cổ cho những quan niệm lạc hậu về giới.

4.3.2. Đổi mới, đa dạng các hình thức, sản phẩm truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo phụ nữ:

Với nội dung và đối tượng truyền thông đã xác định, cần làm thế nào để đạt được mục đích truyền thông một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Điều đó còn phụ thuộc vào việc xác định hình thức truyền thông? Việc xác định hình thức truyền thông để hướng các hoạt động và tạo thông điệp phù hợp. Việc xác định rõ hình thức sẽ tạo nên sự thống nhất cho cả chương trình truyền thông và nâng cao được hiệu quả chương trình.

4.3.3. Đổi mới những người làm công tác quản lý, truyền thông về vấn đề nữ quyền

Đối với cơ quan quản lý báo chí

Báo chí không chỉ đóng vai trò cung cấp thông tin mà còn đóng vai trò định hướng thông tin góp phần xây dựng và duy trì những giá trị chuẩn mực mới và loại bỏ những giá trị chuẩn mực không còn phù hợp. Để đạt được điều này cần sự vào cuộc tích cực và hoạt động có hiệu quả của các cơ quan quản lý báo chí. Do đó trong các bài báo được đăng tải, các cơ quan quản lý báo chí nên có những quy định chung hoặc những tiêu chí cơ bản cho việc đăng tải các sản phẩm truyền thông kể cả là các bài quảng cáo trên báo chí.

Đối với các cơ quan báo chí phụ nữ

Trong những năm qua các cơ quan báo chí phụ nữ đều đã truyền thông về nữ quyền và có những thông điệp truyền thông về vấn đề nữ quyền cơ bản, đầy đủ: truyền thông nâng cao nhận thức của xã hội về hậu quả của định kiến giới, truyền thông phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về nữ quyền, bình đẳng giới, thông tin về các vụ bạo lực gia đình, biểu dương những tập thể, cá nhân điển hình trong việc thực hiện bình quyền... Nội dung tuyên truyền về vấn đề nữ quyền ngày càng cần được mở rộng và có tính bao quát hơn.

4.3.4. Một số Kinh nghiệm báo chí quốc tế truyền thông về vấn đề nữ quyền

Với tầm quan trọng của truyền thông là phương tiện qua đó xã hội tìm hiểu về chính mình và hình thành sự hiểu biết về các giá trị, các trường hợp nghiên cứu này khám phá những kinh nghiệm của truyền thông Mỹ La tinh hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới.

Tiểu kết Chương 4:

Chương 4 đã đánh giá được những ưu điểm - nhược điểm của việc truyền thông về nữ quyền trên 3 báo PNVN, PNTĐ, PNO. Đồng thời tác giả cũng đã chỉ ra một số những khó khăn, thách thức trong hoạt động truyền thông về nữ quyền trên báo chí phụ nữ đã, đang và sẽ phải đối diện. Từ đây tác giả đã đưa ra được một vài đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao, đổi mới hoạt động truyền thông về nữ quyền trên báo phụ nữ. Trong đó đặc biệt chú trọng vào yếu tố đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực tham gia công tác truyền thông về nữ quyền.

KẾT LUẬN

Nữ quyền là vấn đề được đặt ra từ lâu tuy nhiên đến thế kỷ XIX các vấn đề về quyền của phụ nữ mới bắt đầu được đề cập đến trên báo chí Việt Nam ở mức độ chùng mực. Đến thế kỷ XX với những biến đổi về kinh tế xã hội và tư tưởng mới đảm bảo cho phong trào nữ quyền có điều kiện xác lập. Kể từ đây các vấn đề về nữ quyền xuất hiện công khai trên báo chí đặc biệt là sự ra đời của báo chí phụ nữ đã có đóng góp to lớn cho việc thay đổi về nhận thức của công chúng đối với vấn đề nữ quyền. Cùng với sự thay đổi, phát triển của đất nước báo chí phương tiện chuyển tải thông tin quan trọng đã và đang cung cấp những thông tin về nữ giới, tạo ra ngày càng nhiều những diễn đàn để phụ nữ được nói về những vấn đề của mình; và cũng để xã hội biết được những quyền mà người phụ nữ đáng được hưởng. Cho đến nay trải qua gần hết 2 thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI tại mỗi quốc gia, vấn đề bình đẳng giới và đấu tranh “đòi” thêm quyền cho phụ nữ vẫn tiếp tục được quan tâm thảo luận sôi nổi trên diễn đàn xã hội nói chung và báo chí truyền thông nói riêng. Nhà xuất bản từ điển lớn và danh tiếng Merriam-Webster (Mỹ) cho rằng “Năm 2017 là năm mà các phong trào bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ diễn ra mạnh mẽ nhất”. Là từ khóa được tìm kiếm nhiều nhất trong năm 2017, “Feminism” (Phong trào nữ quyền) đã được trang từ điển trực tuyến Merriam-Webster gọi là “Từ khóa của năm”.

Với vai trò định hướng dư luận xã hội của mình, báo chí đã góp phần quan trọng trong thay đổi, điều chỉnh nhận thức của công chúng về nữ quyền, tạo dựng quan niệm mới về một người phụ nữ hiện đại. Báo chí

truyền thông nói chung không ngừng hỗ trợ việc giảm đi sự bất bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Bên cạnh đó, đề tài xoay quanh người phụ nữ cũng là một mối quan tâm lớn của báo chí truyền thông, là một nguồn thông tin vô tận có thể khai thác và thu hút nhiều sự quan tâm của cộng đồng. Có thể nói, nhờ có báo chí mà các vấn đề về nữ quyền thể được thay đổi tích cực; ngược lại vấn đề nữ quyền cũng là nội dung thông điệp cốt lõi quan trọng của báo chí phụ nữ.

Báo chí phát triển ngày càng đa dạng và phong phú về loại hình. Đặc biệt công nghệ số ra đời và phát triển đã làm xuất hiện nhiều loại hình báo chí mới, trong đó có báo điện tử. Sự phát triển nhanh chóng của báo điện tử với phương thức đưa tin, truyền tin kiểu mới dường như đã làm cho báo in không còn giữ được vị thế như trước. Tuy nhiên một trong những lợi thế của báo in là chất lượng thông tin được bảo đảm. Việc kiểm duyệt, biên tập được thực hiện chặt chẽ kỹ lưỡng, khiến các thông tin trên báo in được bảo đảm về tính chính xác, tính chính thống, tính khách quan. Các vấn đề của đời sống, kinh tế, văn hóa,... được bàn giải chuyên sâu, có chọn lọc với những bài chuyên luận sâu sắc. Vì vậy báo in vẫn là loại hình báo chí thu hút sự quan tâm, chú ý của công chúng. Vì vậy trong luận án này tác giả đã chọn khảo sát 2 loại hình báo chí là báo in và báo điện tử để thấy được những thế mạnh cũng như cả hạn chế của 2 loại hình báo chí này trong hoạt động truyền thông về vấn đề nữ quyền.

Như mục đích nghiên cứu tác giả đã đề ra ở luận án là tìm hiểu xoay quanh vấn đề nữ quyền được thể hiện trên báo chí phụ nữ. Trong đó tác giả đã chọn 3 báo phụ nữ tiêu biểu là: PNVN, PNTĐ, PNO để phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy sự trao quyền cho phụ nữ, vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam trong thế kỷ XXI. Đặc biệt là tác giả đã đưa ra những kiến nghị về việc nâng cao hơn nữa vai trò, vị trí của báo chí phụ nữ với việc chuyển tải thông tin về vấn đề nữ quyền.

Quá trình thực hiện các thống kê, khảo sát tác giả các số liệu đưa ra trong nghiên cứu của tác giả cho thấy vấn đề thông tin truyền thông về vấn đề nữ quyền trên báo chí phụ nữ vẫn còn gặp những khó khăn, bất cập nhất định. Qua đó đặt ra những thách thức đối với vấn đề truyền thông về nữ quyền trên báo chí phụ nữ hiện nay. Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra kiến nghị và đề xuất một vài giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin

về nữ quyền và đổi mới truyền thông về vấn đề nữ quyền. Trong đó nhấn mạnh đến yếu tố về nội dung thông tin và hình thức chuyển tải. Đặc biệt yếu tố con người đóng vai trò then chốt quyết định chất lượng nội dung thông tin về vấn đề nữ quyền.

Thế giới đang kỷ niệm 25 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, một trong những văn kiện toàn diện nhất về quyền của phụ nữ. Thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ là mục tiêu phấn đấu của toàn nhân loại, trong đó có Việt Nam. Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ là một trong những ưu tiên hàng đầu của UNESCO.

Báo chí càng trở nên quan trọng để tuyên truyền, thực thi các vấn đề về nữ quyền. Và báo chí phụ nữ giữ vai trò thiết yếu, không thể thiếu trong việc thúc đẩy các hành động nhằm giải quyết các vấn đề của phụ nữ đồng thời khẳng định quyền phụ nữ.